Ký bởi: Cổng thông tin điện tử
Email: cttdt.vpubnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 22.12.2023 08:33:04 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2367 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc, Gói thầu: Mua thuốc bổ sung (lần 2) của Trung tâm y tế thành phố Từ Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn tại Tờ trình số 853/TTr-TTYTTS ngày 07/12/2023; Báo cáo kết quả thẩm định số 316/BC-SYT ngày 11/12/2023 của Sở Y tế và các tài liệu có trong hồ sơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc, Gói thầu: Mua thuốc bổ sung (lần 2) của Trung tâm y tế thành phố Từ Sơn, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 1: Thuốc Generic.

- Gói thầu số 2: Thuốc cổ truyền.

2. Tổng giá các gói thầu (kế hoạch): 1.860.224.300 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm đồng chẵn).*Trong đó:

- Gói thầu số 1: Thuốc Generic: 1.467.074.300 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm đồng chẵn.).*

- Gói thầu số 2: Thuốc cổ truyền: 393.150.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.).*

Giá gói thầu trên là Giá kế hoạch, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu và phê duyệt dự toán gói thầu để thay thế giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại quyết định này (nếu cần thiết); song giá gói thầu cập nhật phải tính đúng, tính đủ, chính xác toàn bộ chi phí để thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

(*Có danh mục và đơn giá chi tiết kèm theo*).

3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm toàn diện về báo cáo và công tác thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại quyết định này; chịu trách nhiệm về việc rà soát, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định trình danh mục mặt hàng thuốc đấu thầu và đảm bảo giá gói thầu được xác định theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 13 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan.

2. Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn chịu trách nhiệm toàn diện về việc đề xuất danh mục mặt hàng thuốc đấu thầu và giá gói thầu; phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, đảm bảo mua sắm phù hợp với danh mục mặt hàng thuốc đã được phê duyệt; đảm bảo tên hoạt chất; nhóm tiêu chí kỹ thuật thuốc; nồng độ hoặc hàm lượng; đường dùng; dạng bào chế; đơn vị tính tương ứng với mức giá từng danh mục mặt hàng thuốc; đảm bảo chất lượng và hạn sử dụng của danh mục mặt hàng thuốc mua sắm; báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh, Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu : VT, KGVX(NTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Tuấn

DANH MỤC THUỐC ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. Gói thầu số 1: Thuốc Generic

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
1	Aciclovir	1	800mg	Uống	Viên	Viên	6.000	12.400	74.400.000
2	Alfuzosin	2	10 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	20.000	6.000	120.000.000
3	Bupivacain hydroclorid	4	0.5% (5mg/ml) - 4ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	500	18.500	9.250.000
4	Suxamethonium clorid	1	100mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	200	19.564	3.912.800
5	Propofol	5	200mg/20ml (1%-20ml)	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	2.000	25.140	50.280.000
6	Lidocain + Adrenalin	1	36mg; 18,13mcg /1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	2.500	13.133	32.832.500
7	Midazolam	4	5mg/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	200	15.225	3.045.000
8	Nicardipin	1	10mg/10ml	Tiêm/ truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	200	124.950	24.990.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
9	Loratadin	1	10mg	Uống	Viên	Viên	100.000	1.800	180.000.000
10	Moxifloxacin ; Dexamethason phosphat	4	5mg/ml + 1mg/ml. Ống 0,4ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Túi	5.000	5.500	27.500.000
11	Moxifloxacin	4	5 mg/ml, lọ 0,4 ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Túi	10.000	5.500	55.000.000
12	Betamethason dipropionat + Acid Salicylic	4	9,6 mg + 0,45 g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	3.500	14.200	49.700.000
13	Kali clorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	8.000	1.785	14.280.000
14	Povidon iodin	4	10%, chai 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	2.000	44.602	89.204.000
15	Progesteron	1	100mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	2.500	7.424	18.560.000
16	Progesteron	1	25mg/1ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	1.200	20.150	24.180.000
17	Neomycin +Nystatin + Polymyxin B sulfat	2	35000 IU + 100000 IU + 35000 IU	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	9.000	7.040	63.360.000
18	Sulfadiazin bạc	5	1% 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	300	14.700	4.410.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
19	Amikacin	4	250mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	2.500	6.500	16.250.000
20	Amikacin	4	500mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	1.500	24.500	36.750.000
21	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	4	2,5g + 0,3g + 0,2g	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói	70.000	1.407	98.490.000
22	Fenofibrat	4	200mg	Uống	Viên nang	Viên	90.000	392	35.280.000
23	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	1	(19g+7g)/ 118ml	Thụt hậu môn, trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai	2.000	58.000	116.000.000
24	Insulin người trộn, hỗn hợp	1	1000IU/10ml (30/70)	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	5.000	55.000	275.000.000
25	Tenofovir	4	300mg	Uống	viên	viên	30.000	1.480	44.400.000
Tổng cộng: 25 khoản									**1.467.074.300**

II. Gói thầu số 2: Thuốc cổ truyền

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đề nghị phê duyệt có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
1	Đinh lăng; bạch quả	3		Uống	Viên nang	Viên	550.000	451	248.050.000
2	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm,Đương quy, Xuyên khung.	3		Uống	Viên	Viên	50.000	745	37.250.000
3	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	3		Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ Nhũ dịch	Chai/ lọ/ Túi	4.650	19.000	88.350.000
4	Kim tiền thảo	3		Uống	Viên nang	Viên	50.000	390	19.500.000
Tổng cộng: 04 khoản									**393.150.000**